

Bản án số: 321/2023/DS-PT

Ngày: 05 - 6 - 2023

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu
cầu tuyên bố văn bản công chứng vô
hiệu”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Cầu

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/5/2023 và 05/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 675/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2022/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 336/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Trúc L, sinh năm 1967 (có mặt ngày 30/5/2023, vắng mặt ngày 05/6/2023)

Địa chỉ: Khu vực T, phường T1, quận T2, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1984 (có mặt ngày 30/5/2023, vắng mặt ngày 05/6/2023)

Địa chỉ: Số 116A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Dương Công K, sinh năm 1965 (có mặt ngày 30/5/2023, vắng mặt ngày 05/6/2023)

Địa chỉ: Khu vực T, phường T1, quận T2, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Lâm S, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Số 29B đường số X3, Khu dân cư H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Lê Thị Mỹ D1, sinh năm 1963 (vắng mặt)

2/Ông Dương Thanh T, sinh năm 1973 (có mặt ngày 30/5/2023, vắng mặt ngày 05/6/2023)

3/Bà Dương Thị Thúy V, sinh năm 1974 (vắng mặt)

4/Ông Dương Văn T2, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực T, phường T1, quận T2, thành phố Cần Thơ.

5/Ông Dương Ngọc T3, sinh năm 1950 (có mặt ngày 30/5/2023, vắng mặt ngày 05/6/2023)

Địa chỉ: Số 1362 Khu vực T, phường T1, quận T2, thành phố Cần Thơ

6/Bà Dương Thị Ngọc N4, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh An Giang

Địa chỉ liên lạc: Số 685/30/53 X, Phường X26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Dương Thị V1:

- Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Thiện T5, sinh năm 1979 (vắng mặt ngày 30/5/2023, có mặt ngày 05/6/2023)

- Ông Nguyễn Minh T6, sinh năm 1982 (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Trung K1, sinh năm 1971 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M1, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực T, phường T1, quận T2, thành phố Cần Thơ.

8/Bà Lê Hồng Đ, sinh năm 1935 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 53/98 đường số x4, khu phố x5, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh

9/Bà Dương Thị K2, sinh năm 1950 (vắng mặt)

10/Ông Lê Tấn T6, sinh năm 1940 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Hoa Kỳ

Người đại diện theo ủy quyền của bà K2, ông T6: Ông Lưu Ngọc T7, sinh năm 1966 (có mặt ngày 30/5/2023, vắng mặt ngày 05/6/2023)

Địa chỉ: Số 533 tổ 26, khu vực L phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

11/Ông Võ Văn T8, sinh năm 1957 (vắng mặt)

12/Bà Võ Thị Diệu H3, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực T, phường T1, quận T2, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T8, bà H3: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1984 (có mặt ngày 30/5/2023, vắng mặt ngày 05/6/2023)

Địa chỉ: Số 116A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

13/Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

14/Văn phòng công chứng Đ4 (xin xét xử vắng mặt)

15/Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận T (xin xét xử vắng mặt)

16/Ngân hàng thương mại cổ phần B3

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Lê Thành P (vắng mặt)

- Ông Đinh Văn T9 (vắng mặt)

Địa chỉ: 90 – 92 T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

17/Văn phòng công chứng T10 (trước đây là Văn phòng công chứng N11) (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 157A Quốc lộ X91, khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Dương Thị Trúc L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Ngọc T3 và bà Dương Thị Ngọc N4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A trình bày:

Cụ Dương Văn R (chết năm 1985) và cụ Phạm Thị C12 (chết năm 2008) có 08 người con gồm các ông, bà: Dương Thị Trúc L, Dương Công K, Dương Thị K2, Dương Thị V1 (bà V1 chết năm 2015, có các con gồm: Nguyễn Thị Tuyết M1, Nguyễn Trung K1, Nguyễn Chí H, Nguyễn Thiện T5, Nguyễn Thanh Tân), Dương Văn T2, Dương Ngọc T3, Dương Văn K13 (ông K13 chết năm 1981, có 02 người con gồm Dương Thanh T và Dương Thị Thúy V), Dương Thị Ngọc N4. Sau khi cụ R và cụ C12 qua đời, không để lại di chúc, có để lại 03 thửa đất tọa lạc tại Khu vực T, phường T1, quận T2, thành phố Cần Thơ, hiện nay 03 thửa đất này do ông Dương Công K tự ý kê khai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể như sau:

- Thửa đất 1016 diện tích 5.622m² đất 2L, ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00074 ngày 28/01/2005;

- Thửa đất 1017 diện tích 2.840m², ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 03614 ngày 16/12/2008;

- Thửa đất 2021 diện tích 354m², tờ bản đồ số 02, ông Dương Công K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00075 ngày 28/01/2005.

Theo bà L, trên thửa đất 2021 trước đây có 02 căn nhà, 01 căn do bà K2 xây dựng năm 1993 diện tích khoảng 32m². Đến năm 2007, vợ chồng bà K2 định cư sang Mỹ nên bà L dọn đến ở căn nhà này theo ý nguyện của mẹ và các anh em, trong đó có bà K2. Do căn nhà nhỏ hẹp và xuống cấp, bà L đã sửa chữa toàn bộ và coi nói thêm phần phía trước. Năm 2012, do căn nhà nằm trên phần đất của ông K đứng tên nên ông K đã lập thỏa thuận tặng cho bà L toàn bộ nhà và đất để thuận tiện trong việc nhận tiền đền bù (do mở rộng lộ). Việc thỏa thuận có làm Bản thỏa thuận có công chứng tại Văn phòng Công chứng T ngày 31/7/2012.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, đồng thời đề nghị Tòa án hủy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L yêu cầu chia thừa kế đối với 02 thửa đất 1016 và 1017, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00074 ngày 28/01/2005 và “H” 03614 ngày 16/12/2008; Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31/7/2012; Không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00075 ngày 28/01/2005.

Bị đơn ông Dương Công K trình bày:

Ông thống nhất trình bày của bà L về hàng thừa kế và hiện nay ông đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03 thửa đất như bà L trình bày, cụ thể từng thửa đất như sau:

Sau khi cha ông chết, năm 2004 thì cụ C12 và các anh chị em trong gia đình lập thủ tục cho ông được hưởng diện tích 5.776m² đất. Đối với thửa đất 2021 diện tích 354m² thì khi cha mẹ ông còn sống đã nói cho ông T một phần, ông T cất nhà ở. Còn diện tích 177,6m² đất mà bà L đang quản lý, sử dụng thì cha mẹ đã cho bà Dương Thị K2. Năm 2007 khi chuẩn bị đi định cư tại Hoa Kỳ, bà K2 và ông T6 có lập văn bản ủy quyền cho bà L giữ gìn nhà đất, nếu Nhà nước có thu hồi nhà, đất thì bà L nhận tiền bồi hoàn thay, văn bản này có ông K và ông Dương Văn T2 ký tên chứng kiến. Sau đó do không hiểu biết pháp luật nên ông K đã lập Biên bản thỏa thuận ngày 31/7/2012 tặng cho nhà, đất của bà K2 cho bà L.

Nay do thái độ cư xử không đúng với anh chị em của bà L nên ông K yêu cầu bà L cùng gia đình giao trả cho ông K phần đất đo đạc thực tế là 177,6m² đất thuộc thửa 2021, khu vực T 1, phường Thới Thuận, quận Nốt Nốt. Yêu cầu Tòa án tuyên bố hủy văn bản thỏa thuận ngày 31/7/2012 giữa ông Dương Công K, bà Lê Thị Mỹ D1 với bà Dương Thị Trúc L và ông Dương Thanh T, do có sự nhầm lẫn.

Ông Lưu Ngọc T7 đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị K2 và ông Lê Tân Tài trình bày:

Vợ chồng bà K2 đi định cư tại Mỹ từ năm 2007, trước khi đi ông bà có quyền sử dụng đất và quyền sử hữu nhà diện tích đất khoảng 175m² thuộc thửa 2021, tờ bản đồ số 02, khu vực T, phường T, quận T, đất này hiện ông K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đi xuất cảnh, có thông tin nhà đất

của ông bà nằm trong quy hoạch để thực hiện dự án mở rộng khu công nghiệp quận T giai đoạn 3, nên ông bà làm giấy ủy quyền ngày 10/01/2007 giao lại cho em gái là Dương Thị Trúc L quản lý giùm đất đai, nhà cửa và vật dụng trong nhà, đồng thời đại diện cho ông bà nhận tiền bồi hoàn của nhà nước. Văn bản ủy quyền có ông Dương Văn T2 và ông Dương Công K làm chứng.

Bà Dương Thị V1 trình bày:

Lúc cha mẹ bà còn sống khỏe mạnh, trong từng thời điểm khác nhau có chia phần đất ruộng cho tất cả anh chị em mỗi người một phần (sau này đều cải tạo thành đất thổ cư) tại khu vực T, quận T. Riêng ông Dương Văn K13, bà Dương Thị K2 và ông Dương Văn T2 mỗi người một cái nền nhà, cũng tại khu vực T. Năm 1983, bà K2 cất nhà trên mảnh đất này bằng tre lá, đến năm 1995 mới xây nhà tường hoàn chỉnh. Năm 2007 bà K2 đi định cư tại Mỹ cùng chồng. Trước khi đi, bà K2 có làm giấy ủy quyền cho em gái là Dương Thị Trúc L giữ nhà và trông coi tài sản giùm.

Bà V1 chết năm 2015, có các con gồm: Nguyễn Thị Tuyết M1, Nguyễn Trung K1, Nguyễn Chí H, Nguyễn Thiện T5, Nguyễn Thanh Tân.

Ông Tâm, bà Mai cho rằng nếu di sản phải chia thừa kế theo pháp luật thì yêu cầu được hưởng một phần.

Ông Dương Văn T2 trình bày: Trong vụ kiện này nếu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, phần của ông, ông không nhận, nhường lại cho các đồng thừa kế khác.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 17/8/2019, ông Dương Ngọc T3 trình bày: Ông yêu cầu được chia di sản thừa kế theo pháp luật là 1/8 giá trị 02 thửa đất 1017 và 1016, có tổng diện tích là 8.816m² đất. Đối với thửa đất 2021 hiện nay có 02 hộ đang sinh sống là Dương Thanh T và hộ Dương Thị Trúc L, ông nhường quyền thừa kế 1/8 cho 02 hộ, mỗi hộ 1/2.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 17/8/2019, bà Dương Thị Ngọc N4 trình bày: Bà yêu cầu được chia di sản thừa kế theo pháp luật là 1/8 giá trị 02 thửa đất 1017 và 1016, có tổng diện tích là 8.816m² đất. Đối với thửa đất 2021 hiện nay có 02 hộ đang sinh sống là Dương Thanh T và hộ Dương Thị Trúc L, bà nhường quyền thừa kế 1/8 cho 02 hộ, mỗi hộ 1/2.

Ông Dương Thanh T trình bày: Ông Dương Văn K13 là cha ông (ông K13 chết năm 1981, có 02 người con gồm Dương Thanh T và Dương Thị Thúy V). Hiện nay ông đang sử dụng diện tích 175m² đất thuộc thửa 2021, phần đất này có nguồn gốc là của bà nội ông chia cho gia đình ông, có làm “Đơn xác nhận” được Ủy ban nhân dân xã chứng ngày 16/12/2002. Ông T không yêu cầu chia thêm thừa kế bất cứ thửa đất nào, nên phải chia ông từ chối nhận.

Bà Dương Thị Thúy V cho rằng gia đình bà và gia đình các đồng thừa kế khác đã được ông bà nội chia phần nên bà không yêu cầu chia tài sản lần thứ hai.

Bà Lê Hồng Đ trình bày: Bà là em ruột của cụ C12. Trước năm 2012, bà có ở nhờ nhà cụ C12 nên có tên trong hộ khẩu. Từ ngày 28/02/2012, bà chuyển hộ khẩu về thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian bà ở nhờ nhà cụ C12, bà có biết gia đình cụ C12 có quyền sử dụng thửa đất 1016 và 2021, đây là tài sản chung của gia đình cụ C12, bà chỉ là người ở nhờ, bà không có yêu cầu gì liên quan đất 02 thửa đất.

Theo bà Đ, bà có chứng kiến cụ C12 cho bà K2 và ông T6 một phần thửa đất 2021 để cất nhà ở, khi bà K2 và ông T6 ra nước ngoài ở thì giao nhà và đất cho bà L giữ gìn. Bà Đ yêu cầu miễn tham gia đối chất, hòa giải và đề nghị Tòa án các cấp xét xử vắng mặt

Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Thửa đất 1016: Theo hồ sơ địa chính thể hiện, hộ cụ Phạm Thị C12 được Ủy ban nhân dân huyện T trước đây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000284 ngày 22/8/1996, tại thửa 1016, diện tích 5.622m² đất 2L.

Tháng 01/1985, cụ Dương Văn R chết. Năm 2004, các đồng thừa kế của ông Rạng lập thủ tục phân chia di sản thừa kế tại các thửa đất 1016 nêu trên và thống nhất giao lại toàn bộ di sản thuộc thửa đất 1016 cho ông Dương Công K đứng tên chủ sử dụng, đồng thời cụ Phạm Thị C12 cũng trao phần tài sản còn lại của bà cho ông K. Sau khi thực hiện xong các thủ tục liên quan, ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00074 ngày 28/01/2005.

Thửa đất 1017: Theo hồ sơ địa chính thể hiện, năm 1990 ông Nguyễn Ngọc T14 kê khai sử dụng thửa đất 1017, diện tích 2.840m², Ủy ban nhân dân xã T (trước đây) có tờ trình về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K với nội dung trước năm 1975, cụ Phạm Thị C12 là mẹ của ông K có sử dụng phần đất trồng lúa diện tích 2.840m². Đến khi thực hiện Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm cho nhóm và người lao động nên phần đất của cụ C12 được cất cấp cho ông Nguyễn Ngọc T14 sử dụng, năm 1990 ông T14 kê khai đứng tên trong sổ mục kê. Đến năm 1993 ông T14 giao lại cho ông Dương Công K và từ năm 1993 đến nay ông K sử dụng ổn định, không tranh chấp. Sau khi thực hiện xong các thủ tục có liên quan, ông K được Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 03614 ngày 16/12/2008, thửa đất 101, diện tích 2.840m² đất trồng cây hàng năm.

Thửa đất 2021: Theo hồ sơ địa chính thể hiện, hộ cụ Phạm Thị C12 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000832 ngày 09/02/2001 tại thửa đất số 2021, diện tích 154m² đất T. Năm 2004, hộ cụ C12 lập tờ thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Dương Văn R. Sau khi thảo luận các đồng thừa kế giao cho ông Dương Công K thừa hưởng toàn bộ di sản và được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 22/9/2004. Sau khi thực hiện xong các thủ tục có liên quan, ông K được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00075 ngày 28/01/2005 tại thửa 2021, diện tích 354m² loại đất T (diện tích 200m² nằm trong hành lang ATGT).

Năm 2016, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định 1803/QĐ-UBND ngày 01/09/2016 về việc thu hồi đất để xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 theo hình thức hợp đồng BOT với nội dung thu hồi 46,7m² đất ODT của ông Dương Công K thuộc một phần thửa 2021. Qua đó, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T chỉnh lý biến động ngày 10/5/2017

Ban quản lý quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận T trình bày: Thửa đất 2021 do ông K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị ảnh hưởng dự án đầu tư xây dựng Công trình Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 bị thu hồi một phần diện tích 46,7m², loại đất ODT, được bồi thường, hỗ trợ với số tiền 93.400.000 đồng. Đến nay số tiền này chưa chi trả do phần đất đang tranh chấp, chờ kết quả giải quyết của Tòa án mới chi trả.

Văn Phòng Công chứng Đ4 trình bày: Vào ngày 31/7/2012, Công chứng viên văn phòng Công chứng T (nay là Văn phòng Công chứng Đ4) có công chứng “Bản thỏa thuận” giữa Bên A: ông Dương Công K và bà Lê Thị Mỹ D1 và Bên B: ông Dương Thanh T và bà Dương Thị Trúc L, ông K là Bên A đồng ý tặng cho Bên B toàn bộ tài sản là quyền sử dụng thửa đất 2021 và tài sản trên đất, bên B có thể cử người đại diện liên hệ cơ quan nhà nước nhận tiền bồi hoàn khi cơ quan Nhà nước thu hồi đất. Việc công chứng là đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Văn Phòng Công chứng T10 (trước đây là Văn phòng Công chứng N11) trình bày: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 23/05/2017, số công chứng 1239, quyền số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD giữa bên thế chấp ông Dương Công K, bà Lê Thị Mỹ D1 với bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại cổ phần B3 đã được Công chứng viên Văn phòng Công chứng N11 (nay là văn phòng Công chứng T10) công chứng theo đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu của các bên, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Đề nghị vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B3 trình bày: Vào ngày 23/5/2017, ông Dương Công K, bà Lê Thị Mỹ D1 với bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại cổ phần B3 có ký “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1189635A.17.HĐTC.CT. Nội dung ông K, bà D1 thế chấp quyền sử dụng 03 thửa đất để đảm bảo vay nợ tại Ngân hàng, cụ thể:

- Thửa đất 1016 diện tích 5.622m² đất 2L, ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00074 ngày 28/01/2005.

- Thửa đất 1017 diện tích 2.840m², ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 03614 ngày 16/12/2008.

- Thửa đất 2021 diện tích 354m², tờ bản đồ số 02, ông Dương Công K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00075 ngày 28/01/2005

Hợp đồng được công chứng số công chứng 1239, quyền số 01/2017/TP/CC SCC/HĐGD và có đăng ký giao dịch thế chấp theo quy định.

Hiện nay ông K còn nợ vốn, lãi là 386.646.000 đồng chưa đến thời hạn thanh toán. Bà L yêu cầu hủy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ, do quyền sử dụng đất của ông K.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2022/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Trúc L, ông Dương Ngọc T3, bà Dương Thị Ngọc N4 về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất các thửa đất:

- Thửa đất 1016 diện tích 5.622m² đất LUA, ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00074 ngày 28/01/2005.

- Thửa đất 1017 diện tích 2.840m² đất trồng cây hằng năm, ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 03614 ngày 16/12/2008.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Trúc L về việc yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00074 ngày 28/01/2005, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00074 ngày 28/01/2005.

Đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00075 28/01/2005 của bà Dương Thị Trúc L, vì rút yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Dương Công K:

Buộc bà Dương Thị Trúc L, ông Võ Văn T8 cùng gia đình giao trả cho ông Dương Công K phần đất có diện tích đo đạc thực tế 160,1m² đất thuộc thửa 2021 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Khu vực T, phường T1, quận T2, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 168/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 22/9/2022.

Bà Dương Thị Trúc L, ông Võ Văn T8 và gia đình có trách nhiệm bàn giao toàn bộ nhà chính, nhà trước, nhà sau, nhà tiền chế phía trước, nhà tạm phía sau cho ông Dương Công K (loại nhà xác định theo biên bản thăm định tại cho ngày 10/5/2019).

Ông Dương Công K có trách nhiệm hoàn trả bà Dương Thị Trúc L số tiền sửa chữa nhà, giá trị nhà bà L xây cất và công sức gìn giữ tài sản, tổng cộng chung là 74.226.964 đồng.

Tuyên bố hủy Văn bản thỏa thuận ngày 31/7/2012 giữa ông Dương Công K, bà Lê Thị Mỹ D1 với bà Dương Thị Trúc L và ông Dương Thanh T.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Trúc L về việc yêu cầu công nhận Văn bản thỏa thuận ngày 31/7/2012.

3. Ông Dương Công K và ông Dương Thanh T được quyền liên hệ Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận T để nhận 93.400.000 đồng tiền do Nhà nước bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi một phần thửa đất 2021.

4. Đình chỉ yêu cầu của bà Dương Thị K2, ông Lê Tấn T6, vì rút yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2022 nguyên đơn bà Dương Thị Trúc L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Ngọc T3 và bà Dương Thị Ngọc N4 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo, chỉ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận cho bà quyền sử dụng đối với diện tích đất 160,1m² tại thửa 2021. Ông T3 và bà N4 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận nội dung đã nêu trong đơn kháng cáo. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn xác định lại yêu cầu kháng cáo là yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất số 2021 đối với diện tích đang sử dụng là của nguyên đơn. Nguồn gốc là của cha mẹ để lại, đã tặng cho bà K2 và bà K2 đã ủy quyền lại cho bà L quản lý, sử dụng. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu của bà L thì đề nghị Hội đồng xét xử tính công sức đóng góp cho bà L khi phân chia thừa kế.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm. Vì ông K đứng tên 02 thửa đất 1016 và 1017 là hợp pháp. Về phần thửa 2021, mặc dù được đứng tên, nhưng ông K thừa nhận chỉ đứng tên giùm để thực hiện lời hứa với cha mẹ, phần đất này ông K sẽ giao trả lại cho bà K2 và ông T khi có yêu cầu.

Ông T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm, ông K có đầy đủ quyền đòi lại quyền sử dụng đất vì là người đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà N4 và ông T3 trình bày: Tất cả tài sản này là của cha mẹ ông bà để lại, ông bà không hề hay biết việc ông K tự làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ảnh hưởng quyền lợi của ông bà, đề nghị chia thừa kế đối với các phần đất trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Các phần đất này không phải di sản của cụ R, cụ C12. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Phần đất tại 03 thửa 1016, 1017, 2021 tọa lạc tại Khu vực T, phường T1, quận T2, thành phố Cần Thơ đã được Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Công K. Nguyên đơn bà Dương Trúc L cho rằng 03 phần đất trên là di sản thừa kế của cha mẹ là cụ Dương Văn R (chết năm 1985) và cụ Phạm Thị C12 (chết năm 2008) để lại, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông K và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản trên.

[3] Bị đơn ông Dương Công K không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày: Đối với thửa 2021 có diện tích 354m² thì khi còn sống cụ R và cụ C12 có cho ông Dương Thanh T và bà Dương Thị K2 để xây dựng nhà ở. Năm 2007 vợ chồng bà K2, ông T6 định cư ở nước ngoài nên đã có văn bản ủy quyền cho bà L quản lý, sử dụng nhà đất nêu trên và nhận tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Ngày 31/7/2012 ông K đã lập biên bản thỏa thuận tặng cho phần nhà, đất của bà K2 cho bà L, nên có yêu cầu phản tố đề nghị hủy biên bản này.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Ngọc T3 và bà Dương Thị Ngọc N4 có yêu cầu độc lập đề nghị được nhận giá trị kỷ phần thừa kế đối với thửa 1016 và 1017, đối với thửa 2021 thì ông, bà nhường kỷ phần thừa kế cho ông T và bà L.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[5.1] Tất cả đương sự trình bày thống nhất về hàng thừa kế của Cụ Dương Văn R (chết năm 1985) và cụ Phạm Thị C12 (chết năm 2008) gồm các ông, bà: Dương Thị Trúc L, Dương Công K, Dương Thị K2, Dương Thị V1 (bà V1 chết năm 2015, có các con gồm: Nguyễn Thị Tuyết M1, Nguyễn Trung K1, Nguyễn Chí H, Nguyễn Thiện T5, Nguyễn Thanh Tân), Dương Văn T2, Dương Ngọc T3, Dương Văn K13 (ông K13 chết năm 1981 có 02 người con gồm Dương Thanh T và Dương Thị Thúy V), Dương Thị Ngọc N4.

[5.2] Về tài sản đang tranh chấp:

- Thửa 1017:

Theo tờ trình của Ủy ban nhân dân xã T thì: Trước năm 1975, cụ Phạm Thị C12 (mẹ của ông K) có sử dụng phần đất trồng lúa diện tích 2.840m² (diện tích đo đạc thực tế là 3.086,3m²). Đến khi thực hiện Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm cho nhóm và người lao động nên phần đất của cụ C12 được cắt cấp cho ông Nguyễn Ngọc T14 sử dụng, năm 1990 ông T14 kê khai đứng tên trong sổ

mục kê. Đến năm 1993 ông T14 giao lại cho ông Dương Công K và từ năm 1993 đến nay ông K sử dụng ổn định, không tranh chấp. Vậy, mặc dù nguồn gốc đất là của cụ C12, nhưng cụ C12 đã giao cho Nhà nước theo chính sách đất đai, để Nhà nước giao lại cho người khác. Theo quy định của pháp luật đất đai thì Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao trong trường hợp này, nên phần đất thửa 1017 không còn thuộc quyền sử dụng của cụ C12. Căn cứ vào quá trình ông K quản lý sử dụng đất từ thời điểm năm 1993 (do ông T14 giao lại) phù hợp với quy định pháp luật, nên Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K đối với thửa 1017 là có căn cứ. Yêu cầu của bà L, ông T3, bà N4 về việc chia thừa kế đối với thửa đất này là không được chấp nhận.

- Thửa 1016:

Theo hồ sơ địa chính thể hiện, phần đất tại thửa 1016 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000284 ngày 22/8/1996 cho hộ cụ Phạm Thị C12 diện tích 5.622m², đất 2L, theo đó thì đây là tài sản chung của hộ gia đình cụ C12. Xét, cụ R chết năm 1985, như vậy tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trong thành viên hộ gia đình cụ C12 không có cụ R. Do vậy, phần đất tại thửa 1016 không phải là di sản thừa kế của cụ R.

Ngày 15/8/2004, cụ C12, bà Dương Thị V1, bà Dương Thị K2, bà Dương Thị Trúc L, ông Dương Công K, ông Dương Thanh T lập tờ thuận phân chia di sản giao cho ông K hưởng toàn bộ phần đất của cha mẹ và được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 22/9/2004, trong đó có thửa 1016. Theo nội dung tờ thuận phân chia di sản trên thì cụ C12 đã trao phần tài sản (trong đó có thửa 1016) của cụ cho ông K. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K đối với thửa đất này là đúng quy định pháp luật. Yêu cầu của bà L, ông T3, bà N4 về việc chia thừa kế đối với thửa 1016 là không có căn cứ chấp nhận vì thửa đất này không phải là di sản của cụ R, còn phần tài sản của cụ C12 đã được cụ định đoạt cho ông K thể hiện trong tờ thuận phân chia di sản năm 2004.

- Thửa 2021:

Ngày 09/02/2001 Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000832 tại thửa đất số 2021 cho hộ cụ C12. Ngày 28/01/2005 ông K được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00075 đối với thửa 2021 diện tích 354m² đất T (diện tích 200m² nằm trong hành lang ATGT).

Xét, như nhận định đối với thửa 1016 thì phần đất này cũng không phải là di sản thừa kế của cụ R. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông K trình bày đối với phần đất tại thửa 2021 thì khi còn sống cụ R và cụ C12 đã cho ông T và bà K2; Ông T2, bà N4 và ông T3 không ký tên vào tờ thuận phân chia di sản năm 2004 nhưng các đương sự không yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất này; Theo xác nhận của Công an phường Thới Thuận, quận T thì tại thời điểm hộ cụ C12 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong hộ cụ C12 có các nhân

khẩu gồm: cụ Phạm Thị C12, ông Dương Công K, bà Lê Thị Mỹ D1, ông Dương Thanh T, bà Dương Thị Thúy V, bà Lê Hồng Đ sinh năm 1935, anh Dương Nhật Minh sinh năm 1991, chị Dương Nhật Phương - sinh năm 1995 (bà D1, anh Minh và chị Phương là vợ và 02 con của ông K); Trong đó, bà V và ông T không khiếu nại việc ông K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ yêu cầu ổn định đất cho ông T; Bà Lê Hồng Đ cho rằng chỉ là người ở nhờ, không có yêu cầu và không có liên quan gì đến phần đất tranh chấp. Từ các chứng cứ trên có cơ sở xác định phần đất tại thửa 2021 đã được thành viên trong hộ cụ C12 và những người thừa kế của cụ C12 công nhận quyền sử dụng cho ông T và bà K2, không tước quyền sử dụng của ông K. Do đó, bản chất của việc ông K kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này là việc đứng tên giùm cho ông T và bà K2.

Hiện nay, trên phần đất tại thửa 2021 ông T quản lý sử dụng phần diện tích $175m^2$, bà L quản lý, sử dụng diện tích đo đạc thực tế là $160,1m^2$ và tài sản trên đất. Ngày 31/7/2012 ông K lập Văn bản thỏa thuận tặng cho phần nhà, đất trên cho ông T và bà L là không đúng quy định pháp luật. Vì ông K không có quyền sử dụng đất, và tài sản trên đất không phải do ông K tạo lập. Do vậy, yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đề nghị hủy Văn bản thỏa thuận này là có căn cứ chấp nhận.

Đối với phần nhà, đất mà ông T đang quản lý, sử dụng: Tất cả các đương sự đều công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà của ông T đối với tài sản trên. Do vậy, ông T có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông K đối với thửa 2021 tương ứng với phần diện tích được công nhận khi có yêu cầu.

Đối với phần nhà, đất mà bà L đang quản lý sử dụng: Tất cả các đương sự đều trình bày thống nhất phần tài sản này là của bà K2. Năm 2007, trước khi đi định cư tại nước ngoài, vợ chồng bà K2 ông T6 đã lập giấy ủy quyền ngày 10/01/2007 với nội dung: Giao lại cho em gái là Dương Thị Trúc L quản lý giùm đất đai, nhà cửa và vật dụng trong nhà, đồng thời đại diện cho ông bà nhận tiền bồi hoàn của Nhà nước. Văn bản ủy quyền có ông Dương Văn T2 và ông Dương Công K làm chứng. Xét, hiện nay vợ chồng bà K2 đang định cư ở nước ngoài, quá trình giải quyết vụ án vợ chồng bà K2 đã xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà L, ông K liên quan đến phần đất trên. Do vậy, căn cứ vào văn bản ủy quyền ngày 10/01/2007 đang có hiệu lực thì bà L được tiếp tục quản lý, sử dụng nhà, đất trên. Trường hợp có yêu cầu, thì bà K2 có quyền yêu cầu bà L giao trả lại phần tài sản này và liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông K đối với thửa 2021 tương ứng với phần diện tích được công nhận. Do ông K được xác định là không có quyền sử dụng đối với thửa đất 2021, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc gia đình bà L phải giao trả nhà, đất cho ông K và ông K có nghĩa vụ hoàn trả giá trị sửa chữa và công sức đóng góp xây dựng nhà cho bà L là không có căn cứ pháp luật.

Đối với số tiền bồi thường 93.400.000 đồng do Nhà nước thu hồi một phần thửa 2021, thì ông K được liên hệ Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất

quận T để nhận (do ông K đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Bà K2 và ông T có quyền yêu cầu ông K trả lại số tiền này tương ứng với diện tích mà bà K2, ông T đang quản lý, sử dụng nằm trong diện tích bị thu hồi.

[5.3] Hiện nay ông K đang thế chấp 03 thửa đất trên để vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B3, do bên vay chưa vi phạm nghĩa vụ, Ngân hàng không có yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Sửa một phần bản án sơ thẩm theo nội dung nhận định trên. Lập luận này cũng là cơ sở để không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L yêu cầu chia thừa kế nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí không giá ngạch.

Ông T3 sinh năm 1950, bà N4 sinh năm 1957 nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

I. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Dương Thị Trúc L; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Ngọc N4 và ông Dương Ngọc T3.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 04/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Áp dụng Điều 166, 220 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 226, 256, 467, 633 636, 688, 692 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 2 Luật đất đai năm 1993, Điều 10 của Luật đất đai 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Trúc L và yêu cầu độc lập của ông Dương Ngọc T3, bà Dương Thị Ngọc N4 về việc:

- Chia thừa kế quyền sử dụng đất các thửa đất 1016, 1017 tọa lạc tại Khu vực T, phường T1, quận T2, thành phố Cần Thơ.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00074 ngày 28/01/2005 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 03614 ngày 16/12/2008 do Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho ông Dương Công K.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Dương Công K về việc:

- Buộc bà Dương Thị Trúc L, ông Võ Văn T8 cùng gia đình giao trả cho ông Dương Công K phần đất có diện tích đo đạc thực tế 160,1m² đất thuộc thửa 2021 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Khu vực T, phường T1, quận T2, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 168/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 22/9/2022.

- Buộc bà Dương Thị Trúc L, ông Võ Văn T8 và gia đình có trách nhiệm bàn giao toàn bộ nhà chính, nhà trước, nhà sau, nhà tiền chế phía trước, nhà tạm phía sau cho ông Dương Công K (loại nhà xác định theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2019).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Dương Công K:

Hủy Văn bản thỏa thuận ngày 31/7/2012 giữa ông Dương Công K, bà Lê Thị Mỹ D1 với bà Dương Thị Trúc L và ông Dương Thanh T được công chứng tại Văn phòng công chứng T (nay là Văn phòng công chứng Đ4).

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Dương Thị Trúc L về việc đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 00075 ngày 28/11/2005 do Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho ông Dương Công K (do đương sự rút yêu cầu).

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Dương Thị K2 và ông Lê Tấn T6 (do đương sự rút yêu cầu).

5. Ông Dương Công K được quyền liên hệ Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận T để nhận 93.400.000 đồng tiền do Nhà nước bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi một phần thửa đất 2021 (do là người đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Bà Dương Thị K2 và ông Dương Thanh T có quyền yêu cầu ông Dương Công K giao lại do Nhà nước bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi một phần thửa đất 2021 tương ứng với diện tích mà bà K2, ông T đang quản lý, sử dụng nằm trong diện tích đất bị thu hồi.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Dương Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000706 ngày 14/8/2014 và 2.500.000 đồng đã nộp số 000984 ngày 11/5/2016 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ; Bà L được nhận lại 10.950.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

- Ông Dương Ngọc T3 được miễn, hoàn trả 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 000266 ngày 16/4/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ

- Bà Dương Thị Ngọc N4 được miễn, hoàn trả 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 000265 ngày 16/4/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Ông Dương Công K không phải chịu, hoàn trả 8.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 000659 ngày 19/5/2014 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Ông Lê Tấn T6, bà Dương Thị K2 được nhận lại 8.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 000611 ngày 27/12/2013 Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

9. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Dương Thị Trúc L, ông Dương Ngọc T3 và bà Dương Thị Ngọc N4 không phải chịu, hoàn trả mỗi đương sự 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0000425, 0000426, 0000427 cùng ngày 31/10/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Cục THADS TP.Cần Thơ;
- NĐ (1);
- BD (1);
- NLQ (16);
- Lưu (10) 33b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên

